TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI **TỈNH H□NG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 33/2023/HNGĐ -ST
Ngày 24/11/2023
"V/v ly hôn, nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Bá Hân
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Bình- Cán bộ nghỉ hưu
Bà D Thị Thu Hồng - Chủ tịch Hội phụ nữ xã Cẩm Ninh

-***Thư ký phiên toà***: Ông Chu Minh Khôi - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
- ***Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa***: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2023/TLST - HNGĐ ngày 04/10/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXX- HNGĐ ngày 05/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Triệu Thị Q, sinh năm 1991
- Bị đơn : Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983
- Người có QLNV liên quan:

1. Cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày 19/3/2011
2. Cháu Nguyễn A D, sinh ngày 27/11/2016

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Anh T – Bố đẻ của các cháu

Đều trú tại: TP, HV, Ân Thi, Hưng Yên

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu L: Bà Đỗ Minh A – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên

Chị Q, bà A vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2023 và lời khai của chị Q trình bầy: Ngày 24/5/2010, chị Triệu Thị Q và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Sau khi cưới, chị Q về ngay gia đình nhà anh T chung sống. Vợ chồng có một khoảng thời gian chung sống hạnh phúc và sinh được 02 người con chung là các cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày 19/3/2011 và cháu Nguyễn A D, sinh ngày 27/11/2016. Đến năm 2014, vợ chồng bắt đầu nảy sinh

mâu thuẫn, do anh T mải chơi bời, không chịu làm ăn, đi làm nhưng không đưa tiền cho chị để nuôi các con, mọi công việc trong gia đình đều do một mình chị gA vác, chị Q và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, nhưng anh T không thay đổi còn chửi và đA, chị phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Sau đó anh T đến xin lỗi, vì các con nên chị Q nhẫn nhịn quay về tiếp tục chung sống với anh T. Đến tháng 7 năm 2023, anh T bắt chị phải đưa căn cước công dân để anh T đi vay tiền, chị không đồng ý thì anh T đe doạ đA chị. Cuộc sống vợ chồng căng thẳng không thể tiếp tục chung sống, nên chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì anh T gọi điện chửi bới chị, sau đó lại đến xin lỗi, hứa hẹn, nhưng chị thấy nhiều lần chị đã cho anh T cơ hội để sửa chữa, nhưng anh T vẫn không thay đổi. Đến nay vợ chồng chung sống với nhau không còn hạnh phúc, nếu tiếp tục chung sống cũng chỉ khổ cho cả hai.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thảo L, sinh ngày 19/3/2011 và cháu Nguyễn A D, sinh ngày 27/11/2016. Hiện các cháu đang ở với anh T.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Anh T trình bày: Anh và chị Q có thời gian tìm hiểu, yêu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại tại UBND xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên theo quy định của pháp luật năm 2010. Sau khi cưới, chị Q về ngay gia đình nhà anh chung sống. Vợ chồng có một khoảng thời gian chung sống hạnh phúc và sinh được 02 người con chung. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra xích mích va chạm, nhưng vẫn tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 7 năm 2023, do anh cần tiền để đáo hạn nợ ngân hàng, nên có bảo chị Q ký sổ để đáo hạn, chị Q không đồng ý, vợ chồng xảy ra cãi nhau, sau đó chị Q bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Trong thời gian này thì anh có một lần đưa các con lên gặp chị Q nói chuyện, nhưng chị Q cương quyết không về, nhiều lần anh cũng gọi điện nhưng chị Q không nghe máy. Nay chị Q xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh không làm đơn bỏ vợ bỏ con, mong chị Q nghĩ tới các con mà rút đơn ly hôn và quay về.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thảo L, sinh ngày 19/3/2011 và cháu Nguyễn A D, sinh ngày 27/11/2016

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Bà Triệu Thị Nhung (mẹ đẻ của chị Q) trình bày: Anh T, chị Q tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân. Đến năm 2010, cả hai đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Vân theo quy định. Sau khi cưới, chị Q về ngay gia đình nhà anh T chung sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 02 người con chung là các cháu Nguyễn Thảo L và cháu Nguyễn A D. Đến năm 2014, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, chị Q đưa con về nhà bà ở, bà hỏi thì chị Q nói do anh T mải chơi bời, không chịu làm ăn, mọi công việc trong gia đình đều do một mình chị Q gA vác. Sau đó T có lên nói chuyện, xin lỗi và đưa chị Q về, nhưng bà thấy anh T không thay đổi còn chửi mắng và xúc phạm chị Q. Bà động viên chị Q nhẫn nhịn sống vì con. Nhưng anh T sống ngày càng quá đáng, vợ chồng thường xảy ra xích mích. Đến tháng 7 năm 2023, chị Q không thể tiếp tục chịu đựng được, nên đã bỏ về nhà bà ở. Anh T có gọi điện nhờ bà khuyên bảo chị Q, bà nói đã cho cơ hội và đã khuyên được chị Q về rồi

mà không thay đổi, nên nay chị Q kiên quyết không về ở với anh T nữa. Nay chị Q có đơn xin ly hôn là quyền của chị Q. Hiện chị Q làm công nhân may cách nhà khoảng 10km, nên phải thuê trọ, thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng.
Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thảo L, sinh ngày 19/3/2011 và cháu Nguyễn A D, sinh ngày 27/11/2016. Hiện các cháu đang ở với anh T.
Về tài sản chung, công nợ: Không có

Bà Nguyễn Thị Ân (mẹ đẻ của anh T) trình bày: Anh T và chị Q tự tìm hiểu và đi tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Hồng Vân năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T chung sống với gia đình bà ở xã Hồng Vân, cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc, sinh được hai con chung. Trong cuộc sống bà thỉnh thoảng thấy vợ chồng anh T có cãi nhau, còn nguyên nhân thì không rõ. Đến tháng 6 năm 2023, bà thấy vợ chồng anh T tiếp tục mâu thuẫn, sau đó chị Q bỏ về nhà mẹ đẻ ở không về nữa, cũng không điện thoại cho bà hỏi thăm các con. Bà có khuyên bảo T và T có đưa con lên Thái Nguyên gặp chị Q để nói chuyện, nhưng chị Q cũng không về. Nay chị Q có đơn xin ly hôn, anh chị có ăn ở được với nhau hay không là quyền của anh chị. Bản thân anh T là lái xe và bà thấy anh T có chơi bời, nên có lần chị Q đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, sau đó anh T có lên xin lỗi và đón chị Q về, nhưng sau đó vợ chồng tiếp tục lại cãi nhau và chị Q lại bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Hồng Vân: Ngày 24/5/2010, chị Triệu Thị Q và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Vân, huyện Ân Thi. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được. Hiện anh T làm lái xe, sáng đi tối về, còn chị Q trước làm công nhân may, nay không thấy chị Q sống cùng anh T, còn chị Q làm gì ở đâu không rõ.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày 19/3/2011 và cháu Nguyễn A D, sinh ngày 27/11/2016. Hiện các cháu đang ở với anh T và ông bà nội. Các cháu đang học tại xã Hồng Vân.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Địa phương không nắm được

Tại phiên tòa ngày 24/11/2023: Chị Q, bà A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bà A.

Anh T đến nay xác định mâu thuẫn không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Q xin ly hôn anh đồng ý ly hôn, về con chung anh T có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu L, bà A có quan điểm: Do anh T, chị Q xác định không ở với nhau được nữa nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh T, chị Q thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Thảo L, sinh ngày 19/3/2011 và cháu Nguyễn A D, sinh ngày 27/11/2016. Quá trình giải quyết vụ án anh T, chị Q đã thống nhất thỏa thuận để anh T nuôi cả hai

con chung đến tuổi thành niên, chị Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh T. Thỏa thuận của anh T, chị Q là tự nguyện, là người bảo vệ quyền lợi cho cháu L thì cháu L có nguyện vọng ở với bố vì cháu đang ở, học tập tại Hồng Vân, Ân Thi, Hưng Yên, hơn nữa cháu đã đủ lớn để nhận thức và tự chăm sóc bản thân nên đề nghị HĐXX công nhận thỏa thuận về việc nuôi con của anh T, chị Q.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc T theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

- Việc T theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã T theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về đường lối giải quyết:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị Q. Xử cho chị Q được ly hôn anh T

- Về con chung: Công nhận thỏa thuận của anh T, chị Q, giao cả hai cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày 19/3/2011 và cháu Nguyễn A D, sinh ngày 27/11/2016 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Chị Q phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND

xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 24/5/2010. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị Q là hợp pháp. Nay chị Q có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh T hiện đang sinh sống tại TP, HV, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị Q xác định năm 2014, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, do anh T mải chơi bời, không chịu làm ăn, đi làm nhưng không đưa tiền cho chị để nuôi các con, mọi công việc trong gia đình đều do một mình chị gA vác, chị Q và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, nhưng anh T không thay đổi còn chửi và đA, chị phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Sau đó anh T đến xin lỗi, vì các con nên chị Q nhẫn nhịn quay về tiếp tục chung sống với anh T. Đến tháng 7 năm 2023, vợ chồng tiếp tục xô sát cãi chửi nhau, chị Q phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó không ai quan tâm tới ai. Về phía anh T xác định vợ chồng chung sống có mâu thuẫn, đến tháng 7/2023 vợ chồng cãi nhau nên chị Q về nhà đẻ ở. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh T, chị Q đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị Q kiên quyết xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn, anh T đã đến nhà chị Q để nói chuyện và xin lỗi nhưng chị Q không về, từ đó anh không có biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo chị Q về đoàn tụ, lời khai của chị Q phù hợp với lời khai của bà Nhung (mẹ đẻ của achị Q), bà Ân (mẹ đẻ của anh T), cháu L (con chung của anh chị). Tại phiên tòa, anh T xác định không còn tình cảm nữa nên đồng ý ly hôn. Từ phân tích trên, HĐXX thấy hôn nhân giữa anh T, chị Q đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T, chị Q không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh T, chị Q có 02 con chung là Nguyễn Thảo L, sinh ngày 19/3/2011 và cháu Nguyễn A D, sinh ngày 27/11/2016. Nay ly hôn, anh T, chị Q thống nhất thỏa thuận để anh T tiếp tục nuôi cả hai con chung đến tuổi thành niên. Thỏa thuận của anh T, chị Q là tự nguyện, phù hợp với thực tế hiện nay các cháu đang ở với anh T và học tập tại Hồng Vân, Ân Thi, Hưng Yên, các cháu có nguyện vọng được ở với anh T, hơn nữa chị Q đang làm công nhân tại Thái Nguyên, phải đi thuê nhà. Để trA xáo trộn trong sinh hoạt, học tập của các cháu nên HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của anh T, chị Q về việc để anh T nuôi cả 02 cháu L, cháu D.

Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện nên ghi nhận, hơn nữa anh T đi làm có thu nhập ổn định, lương là 7.000.000 đồng/ tháng.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh T, chị Q không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 điều 227, Khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn T

2- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh T, chị Q, giao hai con chung là Nguyễn Thảo L, sinh ngày 19/3/2011 và cháu Nguyễn A D, sinh ngày 27/11/2016 cho anh T trực tiếp nuôi đến khi thành niên. Chị Q không cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh T. Chị Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0003354 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi.

5- Quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-Phòng GĐKT;
-VKSND + THADS huyện;
-Đương sự;
-UBND xã Hồng Vân, Ân Thi, Hưng Yên;
-Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Hân